

Bản án số: 22/2024/DSST

Ngày: 21/3/2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Ông Trần Quang Đông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2023/TLDS-ST, ngày 21/12/2023, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Vũ Thị Băng T, sinh năm 1976; địa chỉ số B, đường N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

Người đại diện hợp pháp: Trương Võ Kim T1, sinh năm 1978; địa chỉ số B, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vinh Long, đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/11/2023). (có mặt)

* **Bị đơn:** Lê Thị Ngọc N; địa chỉ số F, khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2023, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Trương Võ Kim T1 là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Vũ Thị Băng T trình bày:

Giữa bà **Vũ Thị Băng T** với bà **Lê Thị Ngọc N** là chỗ quen biết, do cần vốn làm ăn nên ngày 13/01/2022 bà **N** có hỏi vay của bà **T** số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 3%/tháng nhưng không ghi trong hợp đồng, thời hạn thanh toán 02 tháng; bà **T** đã giao tiền cho bà **N** tại nhà, có làm biên nhận; bà **N** không có thế chấp tài sản.

Đến hạn thanh toán, bà **T** đến đòi nhiều lần nhưng bà **N** không trả tiền gốc và lãi. Do đó, bà **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà **N** hoàn trả cho bà tiền gốc 40.000.000đ và tính lãi với mức lãi suất 20%/năm trên số tiền 40.000.000đ, từ ngày 13/01/2022 đến ngày xét xử. Ngoài ra, bà **T** không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Lê Thị Ngọc N đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:** Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại **thành phố V** để yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền gốc và lãi, cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về “*Hợp đồng dân sự*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn **Lê Thị Ngọc N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng bà **N** vẫn cố tình vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **N** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung:** Căn cứ vào Biên nhận ngày 13/01/2022 do bà **Lê Thị Ngọc N** viết và ký tên với nội dung bà **N** có nhận của bà **Vũ Thị Băng T** số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và cam kết hai tháng sẽ trả tiền gốc và lãi cho bà **T**. Xét thấy, đây là hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn; mặc dù trong hợp đồng vay không ghi mức lãi suất bao nhiêu nhưng bà **T** cho rằng mức lãi suất 3%/tháng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bà **T** chỉ yêu cầu mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử là có lợi cho bà **N**. Quá trình giải quyết bà **N** không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà **T**. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định bà **N** có vay của bà **T** số tiền 40.000.000đ là có thật. Xét thấy, hợp đồng vay đã đến hạn nhưng bà **N** chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên, bà **T** khởi kiện yêu cầu bà **N** trả tiền gốc, lãi là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Việc tính lãi như sau: $40.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 798 \text{ ngày}$ (13/01/2022 đến 21/3/2024) = 17.490.000đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu **toàn bộ** án phí dân sự sơ thẩm là 2.875.000đ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về nội dung

Buộc bà **Lê Thị Ngọc N** có nghĩa vụ hoàn trả cho bà **Vũ Thị Băng T** số tiền gốc 40.000.000đ và tiền lãi 17.490.000đ. Tổng cộng bằng 57.490.000đ (Năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng).

2. Về án phí

Buộc bà **Lê Thị Ngọc N** phải chịu 2.875.000đ (Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Vũ Thị Băng T** được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.365.000đ (Một triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006450, ngày 08/12/2023 của **Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long**.

3. Nghĩa vụ thi hành án

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo

Báo cho bà **Vũ Thị B T** biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà **Lê Thị Ngọc N** được quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Tấn Thành